

Bản án số: 01/2020/HC-ST

Ngày: 08 - 5 - 2020

V/v khiếu kiện Quyết định hành chính

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Trần Mộng Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân.

2. Bà Chung Kim Sang

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Nguyên Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa:**  
Ông Huỳnh Thế Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2013/TLST-HC ngày 04 tháng 12 năm 2013 về việc khiếu kiện quyết định hành chính theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐST-HC ngày 17 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện: - Ông Nguyễn Duy Kh, sinh năm 1956**

**- Bà Trần Thị Nh, sinh năm: 1961**

Địa chỉ: Số 416E khu phố V, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

(Ông Kh, bà Nh có mặt tại phiên tòa).

**2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R**

Địa chỉ: Số 38 L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R (Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng hành chính số: 13/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố R).

(Ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Phạm Văn A, sinh năm: 1977

- Bà Quách Thị Thanh H, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Số 285E/1 khu phố V, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

(Ông A có mặt tại phiên tòa, bà H vắng mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người khởi kiện là ông Nguyễn Duy Kh và bà Trần Thị Nh:* Ngày 31/10/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R hành quyết định số: 49/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Duy Kh. Quyết định có nội dung không công nhận đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Kh, giữ nguyên hiện trạng phần đất có diện tích ngang 3 mét dài 45,7 mét (thực tế ngang 3 mét dài 50,9 mét) để sử dụng làm hẻm chung.

Không đồng ý với Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R, ông Kh và bà Nh đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R.

- *Tại văn bản trình bày ý kiến số 45/UBND-VP ngày 20/3/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R và ý kiến trình bày tại phiên đối thoại của người đại diện ủy quyền:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R ban hành quyết định số: 49/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 giải quyết không công nhận đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Kh, giữ nguyên hiện trạng phần đất có diện tích ngang 3 mét dài 45,7 mét (thực tế ngang 3 mét dài 50,9 mét) để sử dụng làm hẻm chung. Bởi lẽ, ông Kh không có giấy tờ gì chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Kh. Mặt khác, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Kh và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn Ng (nay đã chuyển sang cho con là ông Phạm Văn A và bà Quách Thị Thanh H) đều thể hiện hẻm rộng 3 mét được hình thành từ năm 1979 cho đến nay. Do đó giữ nguyên hiện trạng có phần đất ngang 3 mét dài 45,7 mét để làm hẻm chung cho các hộ sử dụng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn A và bà Quách Thị Thanh H có ý kiến trình bày:* Ông A, bà H yêu cầu được giữ nguyên quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R, công nhận con hẻm chung rộng 3 mét dài 45,7 mét cho các hộ cùng sử dụng.

*Tại phiên tòa:*

- Người khởi kiện giữ nguyên khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn A yêu cầu được giữ nguyên quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R.

***\* Kiểm sát viên- đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo đúng trình tự thủ tục về lập hồ sơ vụ án, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về thời chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng, có vi phạm thời hạn theo quy định tại Điều 130 và Điều 149 Luật tố tụng hành chính. Đối với các đương sự tham gia tố tụng: Về cơ bản đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng, tuy nhiên người bị kiện không tham gia phiên đối thoại, phiên tòa là chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 55, Điều 57 Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy Kh, bà Trần Thị Nh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về thủ tục tố tụng: Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ, ông Nguyễn Văn H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R là người đại diện ủy quyền có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Quách Thị Thanh H được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về đối tượng, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R quyết tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Duy Kh là Quyết định hành chính của người có thẩm quyền trong quá trình quản lý Nhà nước về đất đai. Quyết định này tác động trực tiếp đến quyền lợi của ông Kh, bà Nh đây là đối tượng của vụ án hành chính. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính; khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 104/2015/QH13 ngày 25/01/2015 về việc

thi hành Luật tổ tụng hành chính thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Ông Kh đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 31/10/2013, thời hiệu khởi kiện 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính. Ngày 20/11/2013 ông Kh, bà Nh có đơn khởi kiện, nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại khoản 1 Điều 103; khoản 1, 2 Điều 104 Luật tổ tụng hành chính số 64/2010/QH12.

[3] Xét về nội dung khởi kiện: Ông Kh và bà Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R.

3.1 Về thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R ban hành quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Duy Kh là đúng trình tự, thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 136 Luật Đất đai 2003.

3.2 Xét nội dung, căn cứ giải quyết tranh chấp đất, quyền sử dụng đất của quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 31/10/2013

Căn cứ vào hồ sơ tài liệu và chứng cứ Hội đồng xét xử thấy rằng: Qua thẩm tra, xác minh của Phòng tài nguyên và môi trường thành phố R. Nguồn gốc đất của ông Kh, bà Nh do mua lại giấy tay từ bà Võ Thị Đ (bà Đ đã chết, giấy tay đã thất lạc), năm 2003 ông Kh làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 751906 ngày 09/12/2003 có diện tích ngang 11,20 x dài 45,70 và 45,30 diện tích là 450,8m<sup>2</sup>. Cùng năm 2003 ông Phạm Văn Ng cũng được cấp giấy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (phần đất này nay ông Ng đã tặng cho con là ông A, bà H). Theo hồ sơ địa chính thể hiện vị trí khu đất thì tổng diện tích đất của ông Kh là 450,8m<sup>2</sup> (trong đó 300 m<sup>2</sup> đất ở và 150,8 m<sup>2</sup> đất vườn) thể hiện hẻm 3 m x dài 47,5 m. Sơ đồ vị trí khu đất của ông Phạm Văn A và bà Quách Thị Thanh H cũng thể hiện hẻm rộng 3 m. Hồ sơ thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Kh thực hiện đầy đủ, đúng thủ tục, ông Kh cũng không tranh chấp khiếu nại gì và sử dụng ổn định đến năm 2013 thì tranh chấp phần hẻm chung.

Ông Kh, bà Nh khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R nhưng không cung cấp được chứng cứ hay những giấy tờ theo quy định của Luật đất đai để chứng minh phần diện tích đất ngang 02 mét dài 45,7 mét (nằm trong phần hẻm chung ngang 03 mét dài 45,7 mét) là của ông, bà. Đồng thời, lời khai ông Tạ Văn V là người nhận làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận cho ông Kh và ông Châu Văn L là người

đo đạc diện tích cũng xác định: Khi làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Kh, bà Nh biết diện tích đất có thể hiện hẻm 3 mét nhưng ko có ý kiến hay khiếu nại gì.

Từ những nhận định trên, qua nghị án Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kh, bà Nh. Do đó, bác khởi kiện của ông Kh, bà Nh về yêu cầu hủy quyết định số: 49/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R.

[4] Về án phí: Do ông Kh, bà Nh bị bác yêu cầu khởi kiện nên phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 34; điểm 1 mục I Danh mục mức án phí, lệ phí của Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án-Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 29; khoản 1, 2 Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 174; Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 2 Điều 34; điểm 1 mục I Danh mục mức án phí, lệ phí của Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án-Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

#### ***Xử:***

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy Kh và bà Trần Thị Nh về yêu cầu hủy quyết định số: 49/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Kh, bà Nh phải chịu án phí sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông, bà đã nộp theo biên lai thu số: 09893 ngày 27/11/2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang. Ông Kh, bà Nh đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/5/2020). Đương sự không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết.

**\* Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát Tp.Rạch Giá;
- Chi cục THADS Tp.Rạch Giá;
- Lưu hồ sơ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Trần Mộng Thúy**